TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÒN ĐẤT
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **33** /2023/DS-ST.
Ngày: 28/4/2023.
V/v:"Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒN ĐẤT – TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Phúc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông: Cao Minh Trung
2. Ông: Đỗ Văn Dân

- ***Thư ký phiên tòa*:** Ông Lê Quốc Từng - Thư ký TAND huyện Hòn Đất.

- ***Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất*** tham gia phiên tòa: Không

Trong ngày 28 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 283/2022/TLST - DS ngày 22/11/2022 của Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất về việc "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2023/QĐXX-ST ngày 03 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần B

Địa chỉ: Tầng xx Tòa nhà T, số y, đường T, phường T, quận H, thành phố Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Doãn S – Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc.

Người đại diện ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Trần Văn P – Chuyên viên xử lý nợ - Chi nhánh Kiên Giang (Có mặt).

Địa chỉ: Số X, L, phường V, thành phố R, T. Kiên Giang

Bị đơn: Ông Vũ Bảo Hồng V, sinh năm 1986 (Vắng mặt).

Địa chỉ: ấp H, xã M, huyện H, tỉnh Kiên Giang

- Bà Nguyễn Thị Ngọc P, sinh năm 1987 (Có mặt).

Nơi thường trú: Số x, L, khu phố y, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang; Chỗ ở: ấp H, xã M, huyện H, tỉnh Kiên Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện, quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa , đại diện ủy quyền của nguyên đơn ông Trần Văn P trình bày như sau:***

Ngân hàng Thương mại cổ phần B (Sau đây viết tắt là : Ngân hàng TMCP B) có thỏa thuận ký kết hợp đồng tín dụng với ông Vũ B ảo Hồng V và bà Nguyễn Thị Ngọc P các hợp đồng tín dụng bao gồm:

- Hợp đồng tín dụng số HDTD870201800901, ngày 21/7/2018- Giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 870201800901/001, ngày 25/7/2018. Số tiền vay gốc 100.000.000đồng; Mục đích vay : Tiêu dùng; Thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày giải ngân 25/7/2018 đến ngày 25/7/2023; Lãi suất vay 12.5%/năm; Lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn ; Lãi suất nợ chậm trả lãi 10%/năm tính trên dư nợ lãi chậm trả t ương ứng với thời gian chậm trả ; Nợ gốc trả vào ngày 10 hàng tháng, chia thành 60 kỳ trả, 59 kỳ đầu trả 1.670.000 đồng, kỳ cuối cùng trả 1.470.000 đồng, kỳ đầu trả vào ngày 10/8/2018; Tiền lãi trả hàng tháng, theo kỳ trả nợ gốc tính theo dư nợ gốc giảm dần.

- Hợp đồng tín dụng số HDTD 870202000159 ngày 03/3/2020- Giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 870202000159/01, ngày 05/3/2020; Số tiền vay gốc 170.000.000 đồng; Mục đích vay: sửa chữa nhà ở và mua s ắm đồ gia dụng ; Thời hạn vay 120 tháng, kết thúc hợp đồng ngày 05/3/2030; Lãi suất vay 10,7%/năm; Lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn ; Lãi suất chậm trả lãi: 10%/năm tính trên dư nợ lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả ; Nợ gốc trả vào ngày 10 hàng tháng, chia thành 120 kỳ, 119 kỳ đầu trả 1.420.000 đồng ký cuối cùng trả 1.020.000 đồng, kỳ đầu trả vào ngày 10/4/2020; Lãi trả hàng tháng theo kỳ trả nợ gốc tính theo dư nợ gốc giảm dần.

Để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán nợ, Ngân hàng TMCP B và ông Vũ Bảo Hồng V, bà Nguyễn Thị Ngọc P thỏa thuận ký hợp đồng thế c hấp số 00901/2018/HĐTC/CNkiengiang ngày 21/7/2018; Hợp đồng sửa đổi bổ sung số Pl 01-00901/2018/HĐTC/CNKiengiang ngày 03/3/2020. Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất diện tích 74,1m^2, thuộc thửa đất số 170, tờ bản đồ 29; Mục đích sử dụng : đất ở; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ CS77734, cấp ngày 15/12/2017, đứng tên bà Nguyễn Thị Ngọc P. Đất tọa lạc tại khu phố P phường V, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

Quá trình thực hiện hợp đồng ông Vũ Bảo Hồng V và bà Nguyễn Thị Ngọc P vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ gốc và lãi đã thỏa thuận ở cả 02 hợp đồng vay. Phía ngân

hàng TMCP B đã đôn đốc nhắc nhở n hưng không thanh toán , do đó đã ra thông báo thu hồi nợ trước hạn và chấm dứt cho vay ngày 06/02/2023. Tuy nhiên phía ông Vũ Bảo Hồng V và bà Nguyễn Thị Ngọc P không thanh toán nợ, nên ngân hàng TMCP B khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu ông Vũ Bảo Hồng V và bà Nguyễn Thị Ngọc P phải liên đới thanh toán khoản nợ gốc và lãi tạm tính đến ngày 26/4/2023 số tiền cụ thể như sau: Nợ gốc và các khoản lãi của hợp đ ồng tín dụng số : HDTD870201800901, ngày 21/7/2018 là 54.356.391 đồng. Trong đó nợ vay gốc còn lại là 39.880.000 đồng, nợ lãi trong hạn 8.332.279 đồng, nợ quá hạn 5.764.353 đồng, nợ lãi chậm trả lãi 559.759 đồng; Nợ gốc và các khoản lãi của hợp đồng tín dụng số : HDTD870202000159, ngày 03/3/2020 là 197.931.136 đồng. Trong đó: nợ vay gốc còn lại là 147.090.120 đồng, nợ lãi trong hạn 43.061.887 đồng, nợ quá hạn 5.015.646 đồng, nợ lãi chậm trả lãi 2.763.483 đồng.

Tổng cộng cả nợ gốc và các khoản lãi cả 02 hợp đồng là: 252.467.527 đồng (Hai trăm năm mươi hai triệu bốn trăm sáu mươi bảy nghìn năm trăm hai mươi bảy đồng). Đồng thời yêu cầu ông Vũ Bảo Hồng V và bà Nguyễn Thị Ngọc P phải trả lãi suất theo hợp đồng đã ký kết kể từ ngày 27/4/2023 cho đến khi thanh toán hết nợ . Trường hợp ông Vũ Bảo Hồng V và bà Nguyễn Thị Ngọc P không thanh toán được nợ, Ngân hàng TMCP B yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp số 00901/2018/HĐTC/CNKiengiang ngày 21/7/2018 để thu hồi nợ.

Ông Trần Văn P không đồng ý với ý kiến xin trả dần khoản nợ vay của bà Nguyễn Thị Ngọc P, riêng ý kiến xin miễn giảm bớt khoản lãi quá hạn và lãi phạt, ngân hàng sẽ xem xét khi ông Vũ Bảo Hồng V và bà Nguyễn Thị Ngọc P thanh toán nợ.

**** Tại bản tự khai ngày 16 tháng 02 năm 2023, quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc P trình bày:***

Bà Nguyễn Thị Ngọc P cùng chồng là ông Vũ B ảo Hồng V có thỏa thuận ký kết 02 hợp đồng tín dụng với ngân hàng TMCP B – Chi nhánh Kiên Giang gồm: Hợp đồng số HDTD870201800901, ngày 21/7/2018; Giấy đề nghị giải ngân k iêm khế ước nhận nợ số 870201800901, ngày 25/7/2018, số tiền vay gốc là 100.000.000 đồng và Hợp đồng tín dụng số HDTD870202000159, ngày 03/3/2020; Giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 870202000159/01, ngày 05/3/2020, số tiền vay gốc là 170.000.000 đồng. Thời hạn vay, lãi suất vay, lãi suất nợ quá hạn , lãi suất nợ chậm trả và thời hạn thanh toán nợ gốc và lãi như lời đại diện ủy quyền Ngân hàng TMCP B trình bày là

đúng. Để đảm bảo thanh toán nợ vay có ký kết hợp đồng hợp đồng thế chấp số 00901/2018/HĐTC/CNKiengiang ngày 21/7/2018; Hợp đồng sửa đổi bổ sung số Pl 01-00901/2018/HĐTC/CNKiengiang ngày 03/3/2020. Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất diện tích 74,1m^2, thuộc thửa đất số 170, tờ bản đồ 29, đứng tên bà Nguyễn Thị Ngọc P. Đất tọa lạc tại khu phố P, phường V, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

Sau khi vay vốn, thời gian đầu công việc hai vợ chồng thuận lợi thì thanh toán nợ đúng hạn cho ngân hàng, tuy nhiên sau đó chồng bà công việc không thuận lợi nên không còn có thu nhập như trước. Hiện nay thu nhập của gia đình chủ yếu dựa vào nguồn lương của bà Nguyễn Thị Ngọc P nên không thanh toán nợ gốc và lãi đúng kỳ hạn đã thỏa thuận với ngân hàng, nên ngân hàng đã có thông báo thu hồi nợ trước hạn do vi phạm hợp đồng.

Nay ngân hàng TMCP B khởi kiện yêu cầu bà và chồng là ông Vũ Bảo Hồng V liên đới thanh toán nợ gốc và các khoản lãi cả 02 hợp đồng vay tạm tính đến ngày 26/4/2023 là 252.467.527 đồng và lãi suất tiếp theo hợp đồng kể từ ngày 27/4/2023 thì bà Nguyễn Thị Ngọc P đồng ý, tuy nhiên hiện hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn nên xin trả dần theo tháng, mỗi tháng 2.500.000 đồng cho đến khi dứt nợ, đồng thời đề nghị ngân hàng xem xét giảm bớt nợ lãi quá hạn và lãi chậm thanh toán lãi.

Quá trình tố tụng tại Tòa án, ông Vũ Bảo Hồng V được Tòa án tống đạt thông báo hợp lệ thông qua bà Nguyễn Thị Ngọc P nhưng không đến Tòa án làm việc nên không có lời khai. Tại phiên Tòa bà Nguyễn Thị Ngọc P trình bày ông Vũ Bảo Hồng V phải ở nhà chăm con nhỏ nên không đến Tòa án làm việc được.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Xét đơn khởi kiện và yêu cầu của nguyên đơn có cơ sở xác định đây là vụ án "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" quy định tại Khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền xét xử theo thủ tục sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về thủ tục tố tụng:* Bị đơn ông Vũ Bảo Hồng V được Tòa án tống đạt thủ tục tố tụng hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành mở phiên tòa xét xử vắng mặt đối với ông Vũ Bảo Hồng V.

[3] *Về tính hợp pháp của hợp đồng tín dụng:* Nguyên đơn Ngân hàng TMCP B – Chi nhánh Kiên Giang và bị đơn ông Vũ Bảo Hồng V, bà Nguyễn Thị Ngọc P có thỏa

thuận ký kết hợp đồng tín dụng số HDTD870201800901, ngày 21/7/2018 và Hợp đồng tín dụng số HDTD870202000159 ngày 03/3/2020 với nội dung như nguyên đơn đã trình bày, phía bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc P xác nhận có ký kết hợp đồng như trên, ông Vũ Bảo Hồng V không có ý kiến phản đối. Như vậy, hợp đồng mà hai bên đương sự đã ký kết là có thật, hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định tại Điều 463 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Do đó, các bên phải có nghĩa vụ thực hiện đúng các thỏa thuận theo nội dung hợp đồng ký kết.

[4] *Về tính hợp pháp của hợp đồng thế chấp:* Tài sản thế chấp là quyền sử dụng diện tích đất ở 74,1m^2, thửa đất số x, tờ bản đồ 29, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS 77734 do Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh Kiên Giang cấp ngày 15/12/2017 đứng t ên bà Nguyễn Thị Ngọc P. Theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 00901/2018/HĐTC/CNkiengiang ngày 21/7/2018 và Hợp đồng sửa đổi bổ sung số Pl01-00901/2018/HĐTC/CNKiengiang ngày 03/3/2020, để thực hiện nghĩa vụ bảo đảm thanh toán cho 02 hợp đồng tín dụng đã ký kết. Hợp đồng thế chấp được lập thàng văn bản, có công chứng và được đăng ký thế chấp tại Chi nhánh Văn phòng Đăng ký Đất đai thành phố R, tỉnh Kiên Giang. Các chủ thể tham gia ký kết hợp đồng có đầy đủ tư cách, đủ năng lực chủ thể, các bên tự nguyện giao kết, không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên hợp đồng thế chấp là hợp pháp.

[5] *Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu bị đơn có nghĩa vụ liên đới trả nợ vay gốc và lãi:* Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và bảng kê chi tiết nợ ngày 26/4/2023 mà nguyên đơn cung cấp tại phiên tòa. Tính đến ngày 26/4/2023, bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền cụ thể như sau: Nợ gốc và các khoản lãi của hợp đ ồng tín dụng số HDTD870201800901 ngày 21/7/2018 là 54.356.391 đồng (Trong đó nợ vay gốc còn lại là 39.880.000 đồng, nợ lãi trong hạn 8.332.279 đồng, nợ lãi quá hạn 5.764.353 đồng, nợ lãi chậm trả lãi 559.759 đồng); Nợ gốc và các khoản lãi của hợp đ ồng tín dụng số HDTD870202000159 ngày 03/3/2020 là 197.931.136 đồng. (Trong đó nợ vay gốc còn lại là 147.090.120 đồng, nợ lãi trong hạn 43.061.887 đồng, nợ lãi quá hạn 5.015.646 đồng, nợ lãi chậm trả lãi 2.763.483 đồng). Tổng cộng nợ gố c và lãi các khoản cả 02 hợp đồng là 252.467.527 đồng. Do hợp đồng tín dụng được ký kết hợp pháp, nguyên đơn đã thực hiện đúng nghĩa vụ của bên cho vay, bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ vay gốc và lãi của người vay theo thỏa thuận trong hợp đồ ng đã giao kết, được quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015. Do đó yêu cầu khởi kiện của

nguyên đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận, buộc bị đơn phải có nghĩa vụ liên đới thanh toán có nguyên đơn số tiền nợ cả gốc và các khoản lãi tạm tính đến ngày 26/4/2023 là 252.467.527 đồng và khoản t iền lãi tính tiếp tục kể từ ngày 27/4/2023, theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng, trên dư nợ thực tế của từng hợp đồng cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ.

[6] *Về yêu cầu xử lý tài sản thế chấp:* Quan hệ phát sinh trong hợp đồng này từ hợp đồng tín dụng có tài sản bảo đảm. Theo thỏa thuận của các bên trong hợp đồng thế chấp và các quy định của pháp luật về giao dịch bảo đảm thì trong trường hợp bị đơn không trả được nợ thì nguyên đơn có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự kê biên, xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Xét tài sản thế chấp thuộc quyền sử dụng hợp pháp của bị đơn, đã được thực hiện đúng quy định của pháp luật về hợp đồng thế chấp tài sản như đã phân tích ở trên. Do đó, trong trường hợp bị đơn không thực hiện, thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ hoặc không có khả năng trả nợ thì nguyên đơn có quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, phát mãi tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp số 00901/2018/HĐTC/CNkiengiang ngày 21/7/2018 để thu hồi nợ.

[7] Xét ý kiến xin trả dần số tiền nợ gốc và lãi của bị đơn không được đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn chấp nhận nên không có cơ sở để hội đồng xét xử xem xét.

[8] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật là 252.467.527 đồng x 5% thành tiền là 12.623.000 đồng *(Mười hai triệu sáu trăm hai mươi ba nghìn đồng)*. Nguyên đơn không phải chịu án phí nên được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.
- Căn cứ các Điều 91; 95 Luật các tổ chức tín dụng.
- Căn cứ các Điều 317; 318; 320; 322; 463; 466; 468 Bộ luật dân sự năm 2015.
- Căn cứ Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần B.

2. Buộc ông Vũ Bảo Hồng V và bà Nguyễn Thị Ngọc P có trách nhiệm liên đới trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần B số tiền nợ vay gốc và nợ lãi các khoản tạm tính đến ngày 26/4/2023 là: 252.467.527 đồng *(hai trăm năm mươi hai triệu bốn trăm sáu mươi bảy nghìn năm trăm hai mươi bả y đồng)*. Trong đó: Nợ vay gốc là 186.970.120 đồng; Nợ lãi trong hạn là 51.394.166 đồng; Nợ lãi quá hạn là 10.779.999 đồng; Nợ lãi phạt chậm trả lãi là 3.323.242 đồng.

Tiền lãi được tính tiếp theo kể từ ngày 27/4/2023 cho đến khi ông Vũ Bảo Hồng V và bà Nguyễn Thị Ngọc P thanh toán xong các khoản nợ, theo lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số HDTD870201800901, ngày 21/7/2018 và Hợp đồng tín dụng số HDTD870202000159, ngày 03/3/2020 trên dư nợ thực tế của từ ng hợp đồng, cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ.

Khi án có hiệu lực pháp luật, nếu ông Vũ Bảo Hồng V và bà Nguyễn Thị Ngọc P không thực hiện, thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ hoặc không có khả năng trả nợ thì Ngân hàng Thương mại cổ phần B có quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp số 00901/2018/HĐTC/CNkiengiang ngày 21/7/2018 để thu hồi nợ.

Khi ông Vũ Bảo Hồng V và bà Nguyễn Thị Ngọc P thanh toán hết nợ gốc và lãi cho Ngân hàng Thương mại cổ phần B thì Ngân hàng có trách nhiệm trả lại cho bà Nguyễn Thị Ngọc P giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã thế chấp theo hợp đồng thế chấp.

3.Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Vũ Bảo Hồng V và bà Nguyễn Thị Ngọc P phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 12.623.000 đồng *(Mười hai triệu sáu trăm hai mươi ba nghìn đồng)*. Ngân hàng Thương mại cổ phần B được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.275.000 đồng *(Năm triệu hai trăm bảy mươi lăm nghìn đồng),* theo biên lai thu số 0008174 ngày 21/10/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòn Đất.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

4./ Quyền kháng cáo: Báo cho đương sự có mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn ông Vũ bảo Hồng V vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Kiên Giang;*
- *VKS nhân dân huyện Hòn Đất;*
- *Chi cục THA DS huyện.*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ./.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Hoàng Văn Phúc